

**BIỂU 5: CHI TIẾT KINH PHÍ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN CHO HỘ BÀ VI THỊ HƯƠNG,
THƯỜNG TRÚ TẠI KHU LÀNG VẶC, THỊ TRẤN CHI LĂNG, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2108 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Chi Lăng)

| STT | Hộ gia đình cá nhân Ông/bà | Loại cây cối, hoa màu | Đơn vị tính | Tổng số lượng | Mật độ quy diện tích | Đơn giá | Hệ số theo khoản 5 Điều 2; khoản 3 Điều 3; khoản 3 Điều 7, Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn | | |
|---|----------------------------|--|-------------|---------------|----------------------|-----------|---|-----------------------------|--------------------------------------|
| | | | | | | | Cây trồng vượt mật độ (hỗ trợ 30% đơn giá) | Cây trồng xen (60% đơn giá) | Cây trồng trên đất Lúa (10% đơn giá) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Làng VẶc, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | | | | | | | | | |
| 1 | Hộ bà Vi Thị Hương | | | | | | | | |
| | | Thửa: 206.2; tờ số 53; DTTH: 27,8 m ² | | | | | | | |
| | | <i>Cây trồng trong mật độ</i> | | | 25 | | | | |
| | | Cây Vải, đường kính gốc >30 cm | Cây | 1 | 25 | 2.199.000 | | | |
| | | <i>Cây trồng ngoài mật độ</i> | | | | | | | |
| | | Cây Vải, đường kính gốc >30 cm | Cây | 1 | 25 | 2.199.000 | 30% | | |
| | | Tổng Cộng | | | | | | | |

Số tiền (bằng chữ): Hai triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm đồng

Đơn vị tính: Đồng

| Thành tiền | Ghi chú |
|-------------------|----------------|
| (11) | (12) |
| | |
| 2.858.700 | |
| | |
| | |
| 2.199.000 | |
| | |
| 659.700 | |
| 2.858.700 | |

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1
ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN CHO HỘ BÀ VI THỊ HƯƠNG,
THƯỜNG TRÚ TẠI KHU LÀNG VẶC, THỊ TRẤN CHI LĂNG, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2108 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Chi Lăng)

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m ²) | Đơn giá (đồng) |
|---|---------------------------------------|------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------------------|------|--------|-------------------------------------|----------------|
| I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Làng VẶc, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | | | | | | | | | | |
| 1 | Hộ bà Vi Thị Hương | | | | | | | | | |
| | | 206.2 | | 53 | | Đất trồng cây lâu năm | 1 | 1 | 27,8 | 70.500 |
| Tổng | | | | | | | | | | |

Số tiền (bằng chữ): Một triệu chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm đồng

Đơn vị tính: Đồng

| Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|--------------------------|----------------|
| | |
| 1.959.900 | |
| 1.959.900 | |
| 1.959.900 | |

**BIỂU 3: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN CHO HỘ BÀ VI THỊ HƯƠNG,
THƯỜNG TRÚ TẠI KHU LÀNG VẶC, THỊ TRẤN CHI LĂNG, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2108 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Chi Lăng)

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Vị trí | Diện tích thu hồi (m ²) |
|---|---------------------------------------|------------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|--------|-------------------------------------|
| I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Làng VẶc, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | | | | | | | | |
| 1 | Hộ bà Vi Thị Hương | | | | | | | |
| | | 206.2 | | 53 | | Đất trồng cây lâu năm | 2 | 27,8 |
| Tổng | | | | | | | | |

Số tiền (bằng chữ): Ba triệu chín trăm mười chín nghìn tám trăm đồng

Đơn vị: đồng

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---------------------------|------------------------------|----------------|
| | | |
| | 3.919.800 | |
| 141.000 | 3.919.800 | |
| | 3.919.800 | |

BIỂU 2: CHI TIẾT KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN CHO HỘ BÀ VI THỊ HƯƠNG,
THƯỜNG TRÚ TẠI KHU LÀNG VẠC, THỊ TRẤN CHI LĂNG, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2108 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Chi Lăng)

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m ²) | Đơn giá (đồng) | |
|---|---------------------------------------|------------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|------|--------|-------------------------------------|----------------|--|
| I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Làng Vạc, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hộ bà Vi Thị Hương | | | | | | | | | | |
| | | 206.2 | | 53 | | Đất trồng cây lâu năm | 1 | 1 | 27,8 | 47.000 | |
| Tổng | | | | | | | | | | 27,8 | |

Số tiền (bằng chữ): Một triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm đồng

Đơn vị: Đồng

| Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|------------------------------|----------------|
| | |
| 1.306.600 | |
| 1.306.600 | |
| 1.306.600 | |

**BIỂU 1: TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN CHO HỘ BÀ VI THỊ HƯƠNG,
THƯỜNG TRÚ TẠI KHU LÀNG VẶC, THỊ TRẤN CHI LĂNG, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2108 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Chi Lăng)

| STT | Hộ gia đình cá nhân Ông/bà | Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ | Trong đó | | |
|---|----------------------------|------------------------------|------------------|-------------------------------|---|
| | | | Bồi thường đất | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp | Hỗ trợ khác theo khoản 1 Điều 17 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 |
| (1) | (2) | (3) = (4)+...+(7) | (4) | (5) | (6) |
| I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại khu Làng VẶc, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | | | | | |
| 1 | Hộ bà Vi Thị Hương | 10.045.000 | 1.306.600 | 3.919.800 | 1.959.900 |
| Tổng | | 10.045.000 | 1.306.600 | 3.919.800 | 1.959.900 |

Số tiền (bằng chữ): Mười triệu bốn mươi lăm nghìn đồng

↓

Đơn vị tính: Đồng

| Bồi thường cây cối, hoa màu | Ghi chú |
|------------------------------------|----------------|
| (7) | (8) |
| | |
| 2.858.700 | |
| 2.858.700 | |